

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 259/2021/DS-PT

Ngày: 08-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc

2. Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 211/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: C12/30A, khu phố 3, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sơn Duy, sinh năm 1996;

Địa chỉ: E8/3 đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền công chứng số: 005969 ngày 25/9/2020 tại Văn phòng Công chứng An Lạc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Huyền T - Công ty Luật Hợp danh N – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hòa Đ, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Thái H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số A3-17 chung cư 8X Đ, 75A T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền công chứng số 006539 ngày 16/12/2020 tại Văn phòng Công chứng N, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Minh T - Công ty Luật TNHH A – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Thanh S, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: B11/5A ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: B6/27 đường M, ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1979;

Địa chỉ: E9/73 ấp 6, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Thái H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số A3-17, Chung cư 8X Đ, 75A T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền công chứng số 02002 ngày 05/3/2021 tại Văn phòng Công chứng Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An).

4. Người kháng cáo: Bà Đào Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/10/2020 của bà Đào Thị T và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Sơn Duy đại diện hợp pháp trình bày:

Vào khoảng năm 2017, do có mối quan hệ làm ăn quen biết với ông Hồ Thanh S và nghe ông S đề cập vấn đề là có ông Nguyễn Hòa Đ là bạn ông S cần vay tiền. Nên bà T đồng ý cho ông Đ vay tiền bằng hình thức là bà T giao tiền cho ông S để ông S giao lại cho ông Đ. Lần cho vay đầu tiên là 100.000.000 đồng, ông S có đưa cho bà T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của họ hàng ông Đ, vì lúc này giấy chứng nhận của ông Đ đang thế chấp ngân hàng. Khoảng thời gian sau đó, thì ông S đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R564484, đối với thửa đất số 363, tờ bản đồ 3, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An được UBND huyện Bến Lức cấp ngày 17/02/2000 cho hộ gia đình ông: Nguyễn Hòa Đ, và bà T đã đưa lại cho ông S giấy chứng nhận đang giữ. Việc bà T cho ông Đ vay tiền không có

thỏa thuận thời hạn trả. Bà T nói với ông S là khi nào cần thì bà T sẽ thông báo trước cho ông Đ một thời gian hợp lý.

Việc giao nhận tiền, cũng như giấy chứng nhận QSD đất bản chính giữa bà T với ông S hai bên không làm giấy tờ hay biên nhận gì, vì do tin tưởng. Những lần tiếp theo thì ông S nói với bà T là ông Đ cần vay thêm tiền nên bà T đưa tiền cho ông S để ông S giao lại cho ông Đ. Tất cả các lần giao nhận tiền giữa bà T với ông S đều không làm giấy tờ hay biên nhận gì.

Đến tháng 6/2020, tổng số tiền ông Đ nợ bà T là 900.000.000 đồng. Bà T có yêu cầu ông S liên hệ với ông Đ để yêu cầu ông Đ trả lại tiền thì ông Đ nói với ông S là khi nào bán được đất sẽ trả, các cuộc nói chuyện giữa ông S với ông Đ đều được ghi âm lại.

Ngày 25/09/2020 bà T có gửi thông báo yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ nói trên cho bà T trong thời hạn 15 ngày (tính đến hết ngày 10/10/2020 ông Đ phải trả tiền cho bà T) nhưng đã hết thời hạn nhưng đã hết thời hạn thông báo mà ông Đ vẫn không trả.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hòa Đ có trách nhiệm trả số tiền là 900.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Hòa Đ do ông Từ Thái H đại diện hợp pháp trình bày:

Năm 2015, do cần tiền làm ăn nên ông Đ có thể chấp thừa đất số 363, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An cho ông Hồ Thanh S để vay 100.000.000 đồng. Ông Đ có giao cho ông S giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) đối với thửa đất nêu trên để làm tin. Việc giao nhận tiền, cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính giữa ông Đ với ông S hai bên không làm giấy tờ hay biên nhận gì vì do tin tưởng, ông Đ làm công cho ông S.

Hàng tháng ông Đ đều trả tiền vay trực tiếp cho ông S cho đến tháng 2/2020. Ông Đ hoàn toàn không biết và chưa bao giờ gặp bà Đào Thị T. Đến đầu năm 2020, ông Đ có yêu cầu ông S tất toán khoản vay 100.000.000 đồng này để lấy lại giấy tờ đất đã thế chấp. Tuy nhiên, ông S cứ né tránh yêu cầu của ông Đ, do nghi ngờ ông S có vấn đề nên ông Đ không tiếp tục đóng tiền vay từ tháng 3/2020. Đến khoảng giữa năm 2020, do ông Đ làm căng đòi trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông S mới thú nhận là: ông S lấy danh nghĩa của ông Đ đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ cầm cho bà Đào Thị T vay 700.000.000 đồng. Trong đó: 100.000.000 đồng đưa cho ông Đ, còn 600.000.000 đồng để mua 2 xe tải chở thuê.

Sau đó, ông S nhiều lần yêu cầu ông Đ là nếu muốn lấy lại giấy tờ đất thì ứng tiền trả cho bà T trước, sau này ông S sẽ bán 2 xe tải trả lại cho ông Đ. Từ đó đến nay ông S nhiều lần gọi điện thoại hỏi ông Đ bán đất ứng tiền trả cho bà T.

Ông Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T vì ông Đ không vay của bà T số tiền 900.000.000 đồng và ông Đ có yêu cầu phản tố là buộc bà Đào Thị T trả lại cho ông Nguyễn Hòa Đ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R564484, do UBND huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp cho hộ ông (bà): Nguyễn Hòa Đ ngày 17/02/2000 tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh S trình bày:

Ông và ông Nguyễn Hòa Đ, bà Đào Thị T là bạn bè quen biết, không có họ hàng gì. Cách nay khoảng 3, 4 năm ông Đ có nói là kẹt tiền nên nhờ ông vay tiền giùm. Ông có liên hệ được với bà Đào Thị T là có người bạn của ông cần vay tiền và bà T cũng đồng ý cho vay. Ông chỉ giới thiệu cho ông Đ vay tiền. Ông có nói lại ông Đ là có bà T đồng ý cho vay nhưng với điều kiện là phải đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho bà T giữ. Ông Đ nói với ông là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đang thế chấp ở ngân hàng nên ông Đ đưa cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác. Sau khi ông Đ đưa giấy cho ông rồi ông đưa lại cho bà T và bà T đưa tiền 100.000.000 đồng cho ông cầm về đưa lại cho ông Đ. Đến khoảng năm 2017 thì ông Đ đưa cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính mang tên ông Đ và ông đưa lại cho bà T. Bà T đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đã thế chấp trước đưa lại cho ông và đem trả lại cho ông Đ. Sau đó ông Đ còn vay thêm nhiều lần nữa, và ông cũng là người trực tiếp nhận tiền của bà T đưa lại cho ông Đ.

Ông Đ vay thêm nhiều lần, khi thì 50.000.000 đồng, 100.000.000 đồng, 200.000.000 đồng. Tổng cộng vay bao nhiêu thì ông không để ý nên không nhớ vì không phải tiền vay của ông. Việc ông nhận tiền từ bà T để giao lại cho ông Đ, cũng như việc ông Đ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của ông Đ cho ông và ông giao lại cho bà T đều không có làm giấy tờ hay biên nhận gì.

Ông Đ có nói với ông là khi nào bà T cần thì bên ông Đ hoàn trả lại tiền cho bà T, lãi suất ông Đ trả hàng tháng là 1%/tháng. Hàng tháng thì ông Đ đưa tiền lãi nhờ ông đưa lại cho bà T.

Ông không nhớ đến khi nào thì ông không lấy tiền từ bà T để đưa lại cho ông Đ nữa.

Ông không đồng ý với ý kiến của bị đơn vì ông Đ nhờ ông giới thiệu người cho vay. Lần đầu tiên, ông có kêu ông Đ cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính tới gặp bà T để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận tiền nhưng ông Đ bảo bận công việc nên nhờ ông đi giao giấy và nhận tiền giùm. Vì chỗ bạn bè thân thiết, tin tưởng nên ông đã đi nhận tiền và đem tiền về đưa lại cho ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P do ông Từ Thái H đại diện hợp pháp trình bày:

Bà P là vợ của ông Nguyễn Hòa Đ. Việc ông Đ vay tiền của ông S sau này bà P mới biết do ông Đ nói lại, ông Đ do cần tiền làm ăn nên cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ cho ông S để vay tiền. Qua yêu cầu khởi kiện của bà T, bà P không đồng ý. Bà chỉ biết là ông Đ vay tiền của ông S chứ không biết bà T là ai và cũng không vay tiền của bà T, bà P đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Đ, buộc bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã căn cứ cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39; Khoản 1 Điều 42; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị Quyết 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hòa Đ trả số tiền vay là 900.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hòa Đ.

Buộc bà Đào Thị T phải hoàn trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R564484, thửa đất số 363, tờ bản đồ số 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An do UBND huyện Bến Lức cấp ngày 17/2/2000 cho hộ ông (bà) Nguyễn Hòa Đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đào Thị T phải chịu 39.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 19.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002467 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An, bà Đào Thị T phải nộp tiếp 19.500.000 đồng.

Hoàn số tiền 300.000 đồng cho ông Nguyễn Hòa Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002777 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 29/4/2021, nguyên đơn bà Đào Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà T không rút đơn khởi kiện và

không rút đơn kháng cáo. Các đương sự đều không xuất trình, giao nộp bổ sung chứng cứ nào mới và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định bà T có cho ông Đ vay tiền nhiều lần do ông S nhận và giao cho ông Đ và ông Đ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông S để giao lại bà T giữ để làm tin, nên có quan hệ vay tài sản với số tiền 900.000.000 đồng giữa bà T với ông Đ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà T; sửa toàn bộ bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T; buộc ông Đ trả cho bà T số tiền vay tổng cộng là 900.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu:

Nguyên đơn và bị đơn cũng không quen biết nhau.

Nguyên đơn khởi kiện nhưng không có chứng cứ chứng minh bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 900.000.000 đồng và bị đơn cũng không thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nên giữa nguyên đơn và bị đơn không có giao dịch tài sản với nhau. Tòa sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Tòa án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất giữa các bên đương sự và tại phiên tòa phúc thẩm ông S vắng mặt nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp không đủ căn cứ để phát biểu quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đào Thị T làm đúng thủ tục và nộp trong thời hạn luật định, nên vụ án được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đào Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hòa Đ trả số tiền nợ vay 900.000.000 đồng và ông Đ phản tố yêu cầu bà T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R564484, tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An do UBND huyện Bến Lức cấp ngày 17/2/2000 cho hộ ông (bà) Nguyễn Hòa Đ,

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông Hồ Thanh S vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng: Các đương sự đều thừa nhận, bà Đào Thị T và ông Nguyễn Hòa Đ không quen biết nhau và chưa lần nào gặp nhau, nhưng bà T cho rằng từ năm 2017 đến tháng 6 năm 2020 bà T cho ông Đ vay nhiều lần tiền thông qua ông S trực tiếp nhận tiền; việc ông S có giao lại tiền cho ông Đ hay không thì bà T không biết và việc giao tiền vào ngày tháng nào và mỗi lần giao bao nhiêu tiền thì bà T không nhớ, chỉ biết tổng số tiền là 900.000.000 đồng. Khi giao nhận tiền giữa bà T và ông S không có làm biên nhận, nhưng bà T có giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R564484 do UBND huyện Bến Lức cấp ngày 17/02/2000 cho hộ ông (bà) Nguyễn Hòa Đ, tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An do ông Hồ Thanh S đưa và ông S cũng thừa nhận là người trực tiếp nhận tiền của bà T chứ không phải ông Đ nhận.

[5] Xét thấy, việc ông S cho rằng có nhận tiền vay của bà T để giao lại cho ông Đ và ông Đ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông S và ông S giao lại cho bà T đều không có chứng cứ chứng minh và ông Đ cũng không thừa nhận có vay tiền và không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho bà T giữ để làm tin nên có căn cứ xác định giữa bà T và ông Đ không có xác lập giao dịch vay tài sản với nhau, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp.

[6] Bà T thừa nhận đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số quyền sử dụng đất số R564484 do UBND huyện Bến Lức cấp ngày 17/02/2000 cho hộ ông (bà) Nguyễn Hòa Đ, tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An do ông S tự ý giao cho bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả lại cho ông Đ là có căn cứ.

[7] Từ phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ, nhưng điều chỉnh lại cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án. Bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 42, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hòa Đ trả số tiền vay là 900.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hòa Đ.

Buộc bà Đào Thị T phải hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R564484 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 17/02/2000 cho hộ ông (bà) Nguyễn Hòa Đ, tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Hòa Đ.

Trường hợp, bà Đào Thị T không giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hòa Đ thì Cơ quan đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hòa Đ theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đào Thị T phải chịu 39.000.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 19.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002467 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà Đào Thị T phải nộp tiếp số tiền án phí thiếu là 19.500.000 đồng.

Hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Hòa Đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002777 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002789 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn/ĐanThanh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Đinh Thị Ngọc Yến

Nguyễn Văn Phương